

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 4 - 2020

Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HGND, ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện T, thành phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị B; Nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 9/2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 05 tháng 9 năm 2019, sau khi cưới vợ chồng về ăn ở cùng gia đình anh T tại thôn 5, xã K, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống sau khi kết hôn được vài tháng vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không

hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn phát triển kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau từ tháng 01 năm 2020. Nay anh Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị B.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày do vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn nên không có con chung. Vì vậy khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho chị Hoàng Thị B biết việc anh Nguyễn Văn T xin ly hôn, song chị Hoàng Thị B không đến Tòa án trình bày quan điểm và cũng không có văn bản, giấy tờ nào gửi đến Tòa án trình bày ý kiến về việc anh Nguyễn Văn T xin ly hôn. Do vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú của bị đơn là chị Hoàng Thị B là thôn 5, xã K, huyện T, thành phố H. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Hoàng Thị B vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt nên chưa chấp hành đúng pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị B; Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị B; Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày do vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn nên không có con chung, vì vậy khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K và Công an xã K, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Hoàng Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 05/9/2019 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ nhau, do mâu thuẫn căng thẳng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2020 không còn quan tâm nhau. Nay để ổn định cuộc sống, làm ăn anh Nguyễn Văn T quyết tâm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần liên lạc thông báo cho chị B biết việc anh T xin ly hôn, song chị B đều không hợp tác, không đến Tòa án trình bày quan điểm, điều đó thể hiện chị Hoàng Thị B không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú của bị đơn chị Hoàng Thị B là thôn 5, xã K, huyện T, thành phố H. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Hoàng Thị B vẫn vắng mặt không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử, xét: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị B đã trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị B.

[3]. Về con chung:

Anh Nguyễn Văn T trình bày do vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn nên không có con chung, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung:

Anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị B.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003497, ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mến
Đinh Thị Mến**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

